

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Tên gói thầu: May đo trang phục nhân viên y tế năm 2026.
- Tên dự toán: May trang phục nhân viên y tế năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa Bình Chánh.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh.
- Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên của đơn vị.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 90 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình toàn bộ các hàng hóa cung cấp, thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào đầy đủ và đáp ứng các nội dung yêu cầu được quy định chi tiết như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ (Nam, Nữ)	- Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ, có khuy cài	1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5	- Áo: Vải Kate Ford hoặc tương đương, màu trắng.	Bộ	234

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái.</p> <p>- Quần âu 2 ly, túi xéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng.</p> <p>- May đo theo số đo từng cá nhân.</p>	<p>+ Ngang: 264 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 739 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 745 N ± 5</p> <p>- Độ dẫn đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 26% ± 3</p> <p>+ Ngang: 24% ± 3</p> <p>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</p> <p>+ Dọc: Co ≤ 1.1 %</p> <p>+ Ngang: Co ≤ 1.5%</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 65% ± 2</p> <p>+ COTTON: 35% ± 2</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM)</p> <p>- Phai màu: ≥ Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.44</p> <p>- Độ dẫn vải:</p> <p>+ Dọc: ≤ 1%</p>	<p>- Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng.</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>+ Ngang: $\leq 1\%$</p> <p>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</p> <p>+ Dọc: $\geq 99\%$</p> <p>+ Ngang: $\geq 99\%$</p> <p>2. Quần:</p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 464 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 248 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 1289 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 1458 N ± 5</p> <p>- Độ giãn đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 34% ± 3</p> <p>+ Ngang: 31% ± 3</p> <p>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</p> <p>+ Dọc: Co $\leq 0.8\%$</p> <p>+ Ngang: Co $\leq 0.2\%$</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 78% ± 2</p> <p>+ COTTON: 22% ± 2</p>			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: \leq 0.70 - Độ dẫn vải: + Dọc: \leq 1% + Ngang: 0% - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: \geq 99% + Ngang: 0% 			
2	Trang phục Dược Sĩ (Nam, Nữ)	<ul style="list-style-type: none"> - Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái. - Quần âu 2 ly, túi xéo, quần nam có 1 túi sau. - Màu sắc: Màu trắng. - May đo theo số đo từng cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm \pm 5 + Ngang: 264 sợi/10cm \pm 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 739 N \pm 5 + Ngang: 745 N \pm 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 26% \pm 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: Vải Kate Ford hoặc tương đương, màu trắng. - Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. 	Bộ	50

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Ngang: $24\% \pm 3$ - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $Co \leq 1.1\%$ + Ngang: $Co \leq 1.5\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $65\% \pm 2$ + COTTON: $35\% \pm 2$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.44 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 1\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 99\%$ 2. Quần: - Mật độ vải: 			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 464 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 248 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 1289 N ± 5 + Ngang: 1458 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 34% ± 3 + Ngang: 31% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co ≤ 0.8 % + Ngang: Co ≤ 0.2% - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 78% ± 2 + COTTON: 22% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.70 - Độ dẫn vải: 			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: 0% - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: 0%			
3	Trang phục Điều dưỡng + Y sĩ + KTV + Hộ sinh	- Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm; Kỹ thuật viền không viền xanh dương; có thêu logo bệnh viện trước ngực trái; - Quần âu 2 ly, túi xéo, quần nam có 1 túi sau. - Váy: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo qua gối, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Phía sau váy có xẻ giữa, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái - Màu sắc: Màu trắng.	1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 264 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 739 N ± 5 + Ngang: 745 N ± 5 - Độ giãn đứt vải: + Dọc: $26\% \pm 3$ + Ngang: $24\% \pm 3$ - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co $\leq 1.1\%$ + Ngang: Co $\leq 1.5\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $65\% \pm 2$	- Áo, váy: Vải Kate Ford hoặc tương đương, màu trắng. - Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng.	Bộ	466

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>- Nón: Nam dạng nón tròn, bo chun phía sau; Nữ: dạng cánh chuồn, có viền xanh dương (điều dưỡng trưởng viền 1 vạch, Trưởng phòng Điều dưỡng viền 2 vạch)</p> <p>- May đo theo số đo từng cá nhân.</p>	<p>+ COTTON: 35% ± 2</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM)</p> <p>- Phai màu: ≥ Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.44</p> <p>- Độ dẫn vải:</p> <p>+ Dọc: ≤ 1%</p> <p>+ Ngang: ≤ 1%</p> <p>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</p> <p>+ Dọc: ≥ 99%</p> <p>+ Ngang: ≥ 99%</p> <p>2. Quần:</p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 464 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 248 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 1289 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 1458 N ± 5</p> <p>- Độ dẫn đứt vải:</p>			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Dọc: $34\% \pm 3$ + Ngang: $31\% \pm 3$ - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $Co \leq 0.8\%$ + Ngang: $Co \leq 0.2\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $78\% \pm 2$ + COTTON: $22\% \pm 2$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.70 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: 0% - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: 0% 			
4	Trang phục công sở Hành	- Áo somi, cổ đực, cài cúc giữa. Áo nam có túi ngực, Áo nữ không có.	1. Áo:	- Áo: Vải Kate Ý hoặc tương	Bộ	164

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
	chính (Nam + Nữ)	<p>Màu sắc: Màu trắng.</p> <p>- Quần tây Nam (khóa kéo phía trước, túi 2 bên và 1 túi sau. Quần Tây nữ (khóa kéo phía trước túi 2 bên). Màu sắc: Màu đen.</p> <p>- Chân váy: kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối, màu đen.</p> <p>- May đo theo số đo từng cá nhân.</p>	<p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 376 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 308 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 919 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 737 N ± 5</p> <p>- Độ giãn đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 26% ± 3</p> <p>+ Ngang: 38% ± 3</p> <p>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</p> <p>+ Dọc: $Co \leq 0.7\%$</p> <p>+ Ngang: $Co \leq 0.4\%$</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 75% ± 2</p> <p>+ RAYON: 25% ± 2</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM)</p> <p>- Phai màu: ≥ Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.50</p>	<p>đương, màu trắng</p> <p>- Quần, Váy: Vải Bambo hoặc tương đương, màu đen</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 1\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 99\%$ 2. Quần: - Mật độ vải: + Dọc: 512 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 364 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 1369 N ± 5 + Ngang: 958 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 28% ± 3 + Ngang: 45% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co $\leq 0.7\%$ + Ngang: Co $\leq 0.3\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: 			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Polyester: $66\% \pm 2$ + Rayon: $31\% \pm 2$ + Spandex: $3\% \pm 2$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 3 - Độ lệch màu: 0.55 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 2\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 98\%$ 			
5	Trang phục Tài xế	<ul style="list-style-type: none"> - Áo bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, tay ngắn lê vê, 2 túi nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, màu xanh, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái. - Quần âu 2 ly, túi xéo, có 1 túi sau - May đo theo số đo từng cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 270 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 800 N ± 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: Kate ford hoặc tương đương, màu xanh dương. - Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, 	Bộ	12

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Ngang: 830 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 22% ± 3 + Ngang: 24% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co ≤ 0.4 % + Ngang: Co ≤ 0.5% - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 66% ± 2 + COTTON: 34% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.07 - Độ dẫn vải: + Dọc: ≤ 6% + Ngang: ≤ 6% - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: ≥ 99% 	màu xanh đen.		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>+ Ngang: $\geq 99\%$</p> <p>2. Quần:</p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 456 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 340 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 1663 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 1005 N ± 5</p> <p>- Độ dẫn đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 31% ± 3</p> <p>+ Ngang: 57% ± 3</p> <p>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</p> <p>+ Dọc: Co $\leq 0.6\%$</p> <p>+ Ngang: Co $\leq 0.1\%$</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 73% ± 2</p> <p>+ RAYON: 24% ± 2</p> <p>+ SPANDEX: 3% ± 2</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM)</p>			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.56 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 3\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 97\%$ 			
6	Trang phục Nhân viên kỹ thuật, kho vật tư	<ul style="list-style-type: none"> - Áo kiểu somi, cài cúc giữa, tay ngắn lê vê, 2 túi nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, màu xanh đen, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái. - Quần âu 2 ly, túi xéo, có 1 túi sau. - May đo theo số đo từng cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 270 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 800 N ± 5 + Ngang: 830 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 22% ± 3 + Ngang: 24% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: 	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: Vải Kate Ford hoặc tương đương, màu xanh dương - Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu xanh đen 	Bộ	18

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>+ Dọc: $Co \leq 0.4 \%$</p> <p>+ Ngang: $Co \leq 0.5\%$</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: $66\% \pm 2$</p> <p>+ COTTON: $34\% \pm 2$</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện ($< 16 \text{ PPM}$)</p> <p>- Phai màu: \geq Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.07</p> <p>- Độ dẫn vải:</p> <p>+ Dọc: $\leq 6\%$</p> <p>+ Ngang: $\leq 6\%$</p> <p>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</p> <p>+ Dọc: $\geq 99\%$</p> <p>+ Ngang: $\geq 99\%$</p> <p>2. Quần:</p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: $456 \text{ sợi}/10\text{cm} \pm 5$</p> <p>+ Ngang: $340 \text{ sợi}/10\text{cm} \pm 5$</p>			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền đứt vải: + Dọc: 1663 N ± 5 + Ngang: 1005 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 31% ± 3 + Ngang: 57% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $Co \leq 0.6 \%$ + Ngang: $Co \leq 0.1\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 73% ± 2 + RAYON: 24% ± 2 + SPANDEX: 3% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.56 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ 			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Ngang: $\leq 3\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 97\%$			
7	Trang phục bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, tay ngắn lê vê, 2 túi nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có thêu logo bệnh viện trước ngực trái. - Quần âu 2 ly, túi xéo, có 1 túi sau. - Nón, quy cách cầu vai phân loại cấp hiệu bảo vệ - May đo theo số đo từng cá nhân. 	1. Áo: - Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 270 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 800 N ± 5 + Ngang: 830 N ± 5 - Độ giãn đứt vải: + Dọc: 22% ± 3 + Ngang: 24% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co $\leq 0.4\%$ + Ngang: Co $\leq 0.5\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 66% ± 2 + COTTON: 34% ± 2	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: Kate ford hoặc tương đương, màu xanh dương - Quần: Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu xanh đen 	Bộ	28

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: \leq 0.07 - Độ dẫn vải: + Dọc: \leq 6% + Ngang: \leq 6% - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: \geq 99% + Ngang: \geq 99% 2. Quần: - Mật độ vải: + Dọc: 456 sợi/10cm \pm 5 + Ngang: 340 sợi/10cm \pm 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 1663 N \pm 5 + Ngang: 1005 N \pm 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 31% \pm 3 			

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> + Ngang: $57\% \pm 3$ - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $Co \leq 0.6\%$ + Ngang: $Co \leq 0.1\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $73\% \pm 2$ + RAYON: $24\% \pm 2$ + SPANDEX: $3\% \pm 2$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.56 - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 3\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 97\%$ 			
8	Trang phục Hộ lý – Nhân viên	- Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông;	- Mật độ vải:	Kate ford hoặc tương đương,	Bộ	34

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
	phục vụ	<p>phía trước 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, có logo bệnh viện trước ngực trái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần lưng thun. - Nón: bo chun phía sau. - May đo theo số đo từng cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> + Dọc: 248 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 260 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 724 N ± 5 + Ngang: 730 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 24% ± 3 + Ngang: 24% ± 3 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co ≤ 1.2 % + Ngang: Co ≤ 1.5% - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 66% ± 2 + COTTON: 34% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.45 - Độ dẫn vải: 	màu xanh hòa bình		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 1\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 99\%$			
9	Đầm hồng điều dưỡng	Áo liền váy, cổ tàu cài nút lệch một bên, tay ngắn, chiều dài qua gối, kín đáo, trang nhã, dễ di chuyển. Thân áo có 2 túi nhỏ phía trước, có khuy cài bảng tên trên ngực phải, bên trái có logo bệnh viện. - Màu sắc: Màu hồng - Nón: nón cánh chuồn hồng - May theo size	- Mật độ vải: + Dọc: 470 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 335 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 1645 N ± 5 + Ngang: 1095 N ± 5 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: Co $\leq 0,8\%$ + Ngang: Dãn $\leq 0,1\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 75% ± 2 + RAYON: 22% ± 2 + SPANDEX: 3% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM)	- Vải Kaki thun hoặc tương đương, màu hồng	Bộ	30

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thông số, đặc tính kỹ thuật vải	Chất liệu	ĐVT	Số lượng
			- Phai màu: \geq Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: \geq Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.2 - Độ dẫn vải: + Dọc: $7\% \pm 3$ + Ngang: $25\% \pm 3$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $\geq 99\%$ + Ngang: $\geq 97\%$			

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn nguyên, vật liệu có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc ưu việt hơn các tiêu chí yêu cầu của E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác:

1.3.1. Các cam kết của nhà thầu:

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Cam kết chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.
- Cam kết bảo hành hàng hóa trong vòng 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.
- Cam kết trong thời hạn bảo hành trang phục bị bung chỉ, cúc, ... phải sửa chữa.

- Chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc (không phai màu) khi được giặt tẩy với xà bông và javel nếu chất lượng kém phải đổi mới.

- Cam kết sẵn sàng thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo chất lượng sử dụng do lỗi kỹ thuật (Trường hợp kiểm tra hàng không đúng chất lượng hoặc hàng chưa sử dụng nhưng bị hỏng do nhà thầu cung cấp: Chủ đầu tư trả lại và nhà thầu phải cam kết đổi hàng hóa mới đáp ứng theo yêu cầu).

1.3.2. Yêu cầu về kỹ thuật gia công:

- Nhà thầu phải thực hiện may hàng mẫu đối với các danh mục hàng hóa thuộc gói thầu. Mỗi danh mục hàng hóa nhà thầu phải nộp tối thiểu 01 đơn vị hàng mẫu. Hàng mẫu phải được may đúng mẫu, đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn gia công chi tiết. Hàng mẫu phải được nộp đến Chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu hoặc trong vòng 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra và phải được Chủ đầu tư đánh giá là đáp ứng chất lượng. Hàng hóa trang phục y tế phải được sản xuất theo tiêu chí như sau:

a) Đối với áo:

- Hàng hóa mẫu phải được may phù hợp theo số đo do Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh cung cấp. Có chất liệu, quy cách, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đường may: Tất cả đường may phải có mật độ mũi chỉ đúng theo yêu cầu kỹ thuật, tối thiểu 5 mũi/1cm. Đường may chặt, không bỏ mũi, không đứt chỉ, đều, đẹp.

- Cổ áo: 2 cổ áo phải đối xứng, không vắn, không có nếp nhăn.

- Nách và tay áo: đối xứng bằng nhau.

- Tay áo tra đẹp, không vắn.

- Túi áo đóng vuông thành, sắc cạnh, đúng vị trí, cân nhau không lệch.

- 2 nẹp đối xứng bằng nhau, không bị vắn.

- Nút: chắc chắn, không bung.

- Khuy sắc sảo, đẹp, khuy lớn hơn nút 2mm.

b) Đối với quần:

- Hàng hóa mẫu phải được may phù hợp theo số đo do Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh. Có chất liệu, quy cách, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đường may: Tất cả các đường may phải có mật độ mũi chỉ đúng theo yêu cầu kỹ thuật, tối thiểu 5 mũi/1cm. Đường may chặt, không bỏ mũi, không đứt chỉ, đều, đẹp.

- Lưng quần ép keo bằng máy, lưng thun chắc chắn, sắc nét.

- Dây kéo tra thẳng, không nhăn nhọ.

- 2 túi đối xứng, không vụn.

- Đáy may 2 chỉ.

c) Đầm / Váy:

- Hàng hóa mẫu phải được may theo size hoặc số đo theo yêu cầu của Bệnh viện Đa khoa Bình Chánh. Có chất liệu, quy cách, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đường may: Tất cả các đường may phải có mật độ mũi chỉ đúng theo yêu cầu kỹ thuật, đúng dáng, quy cách, tối thiểu 5 mũi/1cm. Đường may chặt, không bỏ mũi, không đứt chỉ, đều, đẹp, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùì chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngòì sản phẩm, nếp không nhăn vụn.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư và theo các quy định hiện hành.